CỤC HẬU CẦN QUÂN KHU 5
BỆNH VIỆN QUÂN Y 17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 17
(Tại 1 thời điểm)

(Kèm theo Bản công bố số 988/BCB-BV ngày 27 tháng 9 năm 2023)

Đào tạo Đại học

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng ĐT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720301	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II. CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II. CSSK người bệnh truyền nhiễm CSSK người	Thực hành lâm sàng điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe người lớn mắc các bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm, cấp cứu, chăm sóc tích cực...	Khoa Cấp cứu ban đầu	02	02	20	08	24	0	20
						Nội Tim-Thận-Khớp	01	01	10	25	75	0	10
						Y học cổ truyền	01	01	10	20	60	0	10
						Ngoại Chấn thương chỉnh hình	02	02	20	30	90	0	20

Scanned with CamScanner

Đào tạo Đại học													
STT	**Mã đào tạo**	**Trình độ**	**Ngành/ chuyên ngành**	**Môn học/ học phần/ Tín chỉ**	**Nội dung môn học**	**Khoa thực hành**	**Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa**	**Số lượng NGD đạt yêu cầu**	**Số lượng ĐT tối đa theo NGD**	**Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH**	**Số lượng ĐT tối đa theo giường**	**Số lượng đang học**	**Số lượng có thể nhận thêm**
				bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực. CSSK người cao tuổi. Chăm sóc giảm đau. Thực tế tốt nghiệp		Ngoại chung-Sản	01	01	10	35	105	0	10
						Răng hàm mặt	02	02	20	10	30	0	20
2	7720201	Đại học	Dược	Thực hành chuyên ngành về quản lý và cung ứng thuốc	- Giới thiệu tổng quát về hoạt động Dược lâm sàng: Chức năng, nhiệm vụ của dược lâm sàng tại bệnh viện. - Cách thức thực hiện các công tác nghiệp vụ liên quan đến thuốc. Cách thức kiểm tra việc sử dụng và bảo quản thuốc tại tủ trực của các khoa lâm sàng	Khoa Dược	04	04	40	0	0	0	40

Scanned with CamScanner

Đào tạo Đại học													
STT	**Mã đào tạo**	**Trình độ**	**Ngành/ chuyên ngành**	**Môn học/ học phần/ Tín chỉ**	**Nội dung môn học**	**Khoa thực hành**	**Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa**	**Số lượng NGD đạt yêu cầu**	**Số lượng ĐT tối đa theo NGD**	**Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH**	**Số lượng ĐT tối đa theo giường**	**Số lượng đang học**	**Số lượng có thể nhận thêm**
					- Tổng hợp dự trù thuốc định kỳ và báo cáo định kỳ: Tuần, quý, tháng, năm. Báo cáo, dự trừ thuốc đặc biệt: Gây nghiện, hướng thần (nếu có). - Các loại sổ, sách thuốc thường, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thận. Tham gia đưa thuốc đến khoa lâm sàng. - Kiểm tra đối chiếu tên thuốc, nồng độ, hàm lượng khi cấp phát thuốc.								

Scanned with CamScanner

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC KHOA TỔ CHỨC GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số 988/BCB-BV ngày 27 tháng 9 năm 2023)

TT	Tên khoa	Ký hiệu	Số giường tại khoa
	Nội khoa		
1	Khoa Cán bộ	A1	15
2	Khoa Nội Tim - Thận - Khớp	A2	25
3	Khoa Nội tiêu hóa - Bệnh máu	A3	25
4	Khoa Nội Truyền nhiễm - Da liễu	A4	35
5	Khoa Nội Tâm thần kinh	A7	25
6	Khoa Y học cổ truyền	A10	20
7	Khoa Hồi sức cấp cứu	A12	10
8	Khoa Thận, lọc máu	A14	15
9	Khoa Cấp cứu ban đầu	C24	08
	Ngoại khoa		
10	Khoa Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình	B1	30
11	Khoa Ngoại chung - Sản	B3	35
12	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	B5	00
	Chuyên khoa		
13	Khoa Mắt	B7	10
14	Khoa Tai - Mũi - Họng	B9	10
15	Khoa Răng - Hàm - Mặt	B8	10
	Cận lâm sàng		
16	Khoa Xét nghiệm - Giải phẫu bệnh	C2	00
17	Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Chức năng	C8	00
18	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	C6	00
19	Khoa Dược	C9	00

Scanned with CamScanner

CỤC HẬU CẦN QUÂN KHU 5
BỆNH VIỆN QUÂN Y 17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/KHOA/GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 17
(Tại 1 thời điểm)
(Kèm theo Bản công bố số 988/BCB-BV ngày 27 tháng 9 năm 2023)

Đào tạo Đại học

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
Điều dưỡng đa khoa										
1	Đặng Thị Thanh Phượng	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	008898/DNA-CCHN	Điều dưỡng	5	Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II. CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II. CSSK người bệnh truyền	Thực hành lâm sàng điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe người lớn mắc các bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm, cấp cứu, chăm sóc tích cực...	Các khoa Nội, Ngoại, Chuyên khoa RHM	250
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	100258/CCHN-BQP	Điều dưỡng	25				
3	Hồ Vi Nữ Mỹ Liên	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	100240/CCHN-BPQ	Điều dưỡng	25				
4	Đỗ Thị Thu Hằng	CNĐD	Điều dưỡng đa	008610/ĐNA-CCHN	Điều dưỡng	5				

Scanned with CamScanner

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
			khoa				nhiễm CSSK người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực. CSSK người cao tuổi. Chăm sóc giảm đau. Thực tế tốt nghiệp			
5	Trần Hữu Nhựt	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	100226/CCHN-BQP	Điều dưỡng	15				
6	Nguyễn Thị Ngọc Nguyệt	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	100221/CCHN-BQP	Điều dưỡng	20				
7	Trần Hồng Hải	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	100209/CCHN-BQP	Điều dưỡng	15				
8	Hồ Văn Triều	Thạc sỹ	Điều dưỡng đa khoa	100210/CCHN-BQP	Điều dưỡng	18				
9	Trần Thị Thanh Nhàn	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	100227/CCHN-BQP	Điều dưỡng	25				
10	Huỳnh Thị Thu	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	100256/CCHN-BQP	Điều dưỡng	25				

Scanned with CamScanner

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
11	Lê Thị Mai	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	100200/CCHN-BQP	Điều dưỡng	25				
2 Dược										
1	Phạm Văn Vượng	Tiến sỹ	Dược	0681/ĐNA-CCHN	Dược sĩ	18	Buôn bán, bán lẻ, dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc. Cơ sở bán lẻ: Nhà thuốc.	Thực hành chuyên môn về quản lý và cung ứng thuốc.	Dược	
2	Trần Thanh Hải	ThS.DS	Dược	0773/ĐNA-CCHN	Dược sĩ	10				
3	Bùi Duy Tình	ThS.DS	Dược	0412/ĐNA-CCHN	Dược sĩ	10				
4	Nguyễn Mạnh Hùng	ThS.DS	Dược	0338/ĐNA-D-SYT-ĐNA	Dược sĩ	15				

Scanned with CamScanner

Phụ lục IV

DANH SÁCH CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số 988 /BCB-BV ngày 27 tháng 9 năm 2023)

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
I. HỆ THỐNG PHÒNG GIẢNG, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG ĐẢM BẢO GIẢNG DẠY		
1	Phòng giảng trang bị hệ thống bàn, ghế, trình chiếu phục vụ bài giảng điện tử	03
2	Hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện: Cho phép truy cập các thông tin của bệnh nhân nội trú	01
3	Hệ thống trình chiếu đồng bộ (Máy tính xách tay + Máy tính bàn + Máy chiếu + Màn chiếu	Mỗi đơn vị 01 bộ
4	Máy tính bàn đồng bộ sử dụng mạng nội bộ	Mỗi đơn vị 01 bộ
5	Máy in đen trắng	Mỗi đơn vị 01 bộ
6	Máy Photocopy	02
7	Máy in màu	03
II. TRANG BỊ Y TẾ PHỤC VỤ GIẢNG DẠY		
8	Huyết áp kế	104
9	Ống nghe	110
10	Máy thở	09
11	Bơm tiêm điện các loại	10
12	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số Nihon Kohden 3562	32
13	Máy điện tim 6 cần	09
14	Máy đo điện cơ vi tính MEB-9400K Nhật	01
15	Máy điện não vi tính EEG - 1200K	01
16	Đèn đọc phim	10

Scanned with CamScanner

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
17	Bàn mổ	06
18	Máy Nội soi tiêu hóa (Máy Pentax D5000i, máy Olympus : CV190, CV180, CV160)	04
19	Phòng tiểu phẫu	05
20	Phòng bó bột	01
21	Máy cưa bột	03
22	Âm thanh (bộ)	03
23	Kính hiển vi	05
24	Máy xét nghiệm Huyết học (Máy Sysmex: Xp 100, XN1000, máy ABX Micro ES 60)	01
25	Máy xét nghiệm Sinh hóa (Máy Cobas 6000, máy Sysmex: BM 6010, BX4000, máy Hitachi 902)	04
26	Máy xét nghiệm Miễn dịch (Máy Cobas E501)	01
27	Máy xét nghiệm Ion đồ (Máy Ilyte, máy Prolyte)	03
28	Máy xét nghiệm đông máu tự động (Máy Solea 1000)	01
29	Máy xét nghiệm nước tiểu (Máy Siemen)	03
30	Máy xét nghiệm khí máu (Máy BD)	01
31	Máy Cộng hưởng từ 1.5 Tesla (Máy Philips Achieva)	01
32	Máy CT Scanner đa lát cắt (Máy GE Evolution)	01
33	Máy Chụp X-quang KTS (Máy Titan 2000, EVA DR)	02
34	Máy Chụp X-quang KTS di động (Máy Ecemobil, CMDR-2ST)	02

Scanned with CamScanner

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
35	Máy Siêu âm Doppler màu 4D (Máy GE E9, máy Hitachi V70, máy Fukuda 890AG)	03
36	Máy Siêu âm mắt (Máy US 4000)	02
37	Máy Siêu âm tổng quát (Máy Prosound Alpha 6)	02
38	Máy Siêu âm xách tay Doppler màu (Máy Prologue Arietta)	01
39	Kho thuốc nội trú	01
40	Ghế khám và điều trị nha khoa tổng hợp	06
41	Kho thuốc ngoại trú	01
42	Nhà thuốc Bệnh viện	01
43	Máy tính + phần mềm cấp phát thuốc	05

Scanned with CamScanner